

Số: 2851/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 02 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về phòng cháy, chữa cháy và Khu chung cư, Tổ dân phố, Nhà tập thể an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2021

HỎA TỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công an thành phố tại Tờ trình số 1426/TTr-CAHP-PC07 ngày 21/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận 10 chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về phòng cháy, chữa cháy; 02 khu chung cư, 507 tổ dân phố, 01 nhà tập thể đạt khu chung cư, tổ dân phố, nhà tập thể an toàn về phòng cháy, chữa cháy năm 2021 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị cơ sở duy trì liên tục các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công an thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Phòng: NCKTGS, XDGTCT;
- CV: KTGS1;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

DANH SÁCH

**Chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về phòng cháy, chữa cháy
và Tổ dân phố, Khu chung cư, Nhà tập thể an toàn phòng cháy, chữa cháy
trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 02/10/2021
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Danh sách Chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về phòng cháy và chữa cháy

1. Chợ Đông - xã Tiên Phong, huyện Vĩnh Bảo;
2. Chợ Hòa Bình - xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng;
3. Chợ Chùa - xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng;
4. Chợ Đông Quy - xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng;
5. Chợ thị trấn An Lão - thị trấn An Lão, huyện An Lão;
6. Chợ Đầm Triều - phường Quán Trữ, quận Kiến An;
7. Chợ Cầu Vòng - phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn;
8. Chợ Cát Bà - thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải;
9. Chợ Phúc Hải - phường Đa Phúc, quận Dương Kinh;
10. Chợ Hàng - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân.

II. Danh sách Tổ dân phố an toàn về phòng cháy và chữa cháy

1. Tổ dân phố số 1 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
2. Tổ dân phố số 2 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
3. Tổ dân phố số 3 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
4. Tổ dân phố số 4 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
5. Tổ dân phố số 5 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
6. Tổ dân phố số 6 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
7. Tổ dân phố số 7 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
8. Tổ dân phố số 8 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
9. Tổ dân phố số 9 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
10. Tổ dân phố số 10 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
11. Tổ dân phố số 11 - phường Cát Dài, Quận Lê Chân;
12. Tổ dân phố số 12 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
13. Tổ dân phố số 13 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
14. Tổ dân phố số 14 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
15. Tổ dân phố số 15 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;
16. Tổ dân phố số 16 - phường Cát Dài, quận Lê Chân;

17. Tổ dân phố số 4 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
18. Tổ dân phố số 9 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
19. Tổ dân phố số 13 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
20. Tổ dân phố số 17 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
21. Tổ dân phố số 18 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
22. Tổ dân phố số 19 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
23. Tổ dân phố số 23 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
24. Tổ dân phố số 26 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
25. Tổ dân phố số 1 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
26. Tổ dân phố số 2 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
27. Tổ dân phố số 3 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
28. Tổ dân phố số 8 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
29. Tổ dân phố số 25 - phường Dư Hàng, quận Lê Chân;
30. Tổ dân phố số 1 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
31. Tổ dân phố số 2 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
32. Tổ dân phố số 3 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
33. Tổ dân phố số 4 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
34. Tổ dân phố số 30 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
35. Tổ dân phố số 31 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
36. Tổ dân phố số 5 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
37. Tổ dân phố số 9 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
38. Tổ dân phố số 10 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
39. Tổ dân phố số 11 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
40. Tổ dân phố số 12 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
41. Tổ dân phố số 13 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
42. Tổ dân phố số 25 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
43. Tổ dân phố số 26 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
44. Tổ dân phố số 27 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
45. Tổ dân phố số 28 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
46. Tổ dân phố số 30 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
47. Tổ dân phố số 15 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
48. Tổ dân phố số 16 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
49. Tổ dân phố số 32 - phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
50. Tổ dân phố số 1 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
51. Tổ dân phố số 2 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;

52. Tổ dân phố số 3 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
53. Tổ dân phố số 4 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
54. Tổ dân phố số 5 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
55. Tổ dân phố số 6 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
56. Tổ dân phố số 7 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
57. Tổ dân phố số 8 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
58. Tổ dân phố số 9 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
59. Tổ dân phố số 10 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
60. Tổ dân phố số 11 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
61. Tổ dân phố số 12 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
62. Tổ dân phố số 13 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
63. Tổ dân phố số 14 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
64. Tổ dân phố số 17 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
65. Tổ dân phố số 19 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
66. Tổ dân phố số 20 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
67. Tổ dân phố số 21 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
68. Tổ dân phố số 22 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
69. Tổ dân phố số 23 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
70. Tổ dân phố số 24 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
71. Tổ dân phố số 25 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
72. Tổ dân phố số 26 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
73. Tổ dân phố số 27 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
74. Tổ dân phố số 28 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
75. Tổ dân phố số 30 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
76. Tổ dân phố số 31 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
77. Tổ dân phố số 32 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
78. Tổ dân phố số 34 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
79. Tổ dân phố số 35 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
80. Tổ dân phố số 36 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
81. Tổ dân phố số 37 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
82. Tổ dân phố số 38 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
83. Tổ dân phố số 39 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
84. Tổ dân phố số 40 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
85. Tổ dân phố số 15 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;
86. Tổ dân phố số 33 - phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân;

87. Tổ dân phố số 15 - phường Du Hàng Kênh, quận Lê Chân;
88. Tổ dân phố số 16 - phường Du Hàng Kênh, quận Lê Chân;
89. Tổ dân phố số 18 - phường Du Hàng Kênh, quận Lê Chân;
90. Tổ dân phố số 01 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
91. Tổ dân phố số 07 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
92. Tổ dân phố số 12 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
93. Tổ dân phố số 14 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
94. Tổ dân phố số 17 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
95. Tổ dân phố số 21 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
96. Tổ dân phố số 22 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
97. Tổ dân phố số 15 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
98. Tổ dân phố số 02 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
99. Tổ dân phố số 06 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
100. Tổ dân phố số 13 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
101. Tổ dân phố số 16 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
102. Tổ dân phố số 24 - phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân;
103. Tổ dân phố số 01 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
104. Tổ dân phố số 3 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
105. Tổ dân phố số 6 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
106. Tổ dân phố số 9 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
107. Tổ dân phố số 11 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
108. Tổ dân phố số 12 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
109. Tổ dân phố số 13 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
110. Tổ dân phố số 15 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
111. Tổ dân phố số 16 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
112. Tổ dân phố số 17 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
113. Tổ dân phố số 20 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
114. Tổ dân phố số 21 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
115. Tổ dân phố số 23 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
116. Tổ dân phố số 24 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
117. Tổ dân phố số 26 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
118. Tổ dân phố số 27 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
119. Tổ dân phố số 28 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
120. Tổ dân phố số 29 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
121. Tổ dân phố số 08 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;

122. Tổ dân phố số 14 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
123. Tổ dân phố số 22 - phường Nghĩa Xã, quận Lê Chân;
124. Tổ dân phố số 10 - phường An Dương, quận Lê Chân;
125. Tổ dân phố số 13 - phường An Dương, quận Lê Chân;
126. Tổ dân phố số 15 - phường An Dương, quận Lê Chân;
127. Tổ dân phố số 17 - phường An Dương, quận Lê Chân;
128. Tổ dân phố số 02 - phường An Dương, quận Lê Chân;
129. Tổ dân phố số 04 - phường An Dương, quận Lê Chân;
130. Tổ dân phố số 09 - phường An Dương, quận Lê Chân;
131. Tổ dân phố số 11 - phường An Dương, quận Lê Chân;
132. Tổ dân phố số 14 - phường An Dương, quận Lê Chân;
133. Tổ dân phố số 13 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
134. Tổ dân phố số 10 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
135. Tổ dân phố số 11 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
136. Tổ dân phố số 01 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
137. Tổ dân phố số 03 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
138. Tổ dân phố số 05 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
139. Tổ dân phố số 08 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
140. Tổ dân phố số 15 - phường Kênh Dương, quận Lê Chân;
141. Tổ dân phố số 04 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
142. Tổ dân phố số 09 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
143. Tổ dân phố số 16 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
144. Tổ dân phố số 19 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
145. Tổ dân phố số 15 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
146. Tổ dân phố số 20 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
147. Tổ dân phố số 01 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
148. Tổ dân phố số 03 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
149. Tổ dân phố số 16 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
150. Tổ dân phố số 7 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
151. Tổ dân phố số 13 - phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân;
152. Tổ dân phố số 15 - phường Hồ Nam, quận Lê Chân;
153. Tổ dân phố số 16 - phường Hồ Nam, quận Lê Chân;
154. Tổ dân phố số 17 - phường Hồ Nam, quận Lê Chân;
155. Tổ dân phố số 18 - phường Hồ Nam, quận Lê Chân;
156. Tổ dân phố số 19 - phường Hồ Nam, quận Lê Chân;

157. Tổ dân phố số 23 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
158. Tổ dân phố số 27 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
159. Tổ dân phố số 1 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
160. Tổ dân phố số 2 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
161. Tổ dân phố số 3 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
162. Tổ dân phố số 4 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
163. Tổ dân phố số 10 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
164. Tổ dân phố số 01 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
165. Tổ dân phố số 04 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
166. Tổ dân phố số 05 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
167. Tổ dân phố số 02 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
168. Tổ dân phố số 07 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
169. Tổ dân phố số 08 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
170. Tổ dân phố số 11 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
171. Tổ dân phố số 13 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
172. Tổ dân phố số 14 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
173. Tổ dân phố số 15 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
174. Tổ dân phố số 16 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
175. Tổ dân phố số 02 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
176. Tổ dân phố số 03 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
177. Tổ dân phố số 06 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
178. Tổ dân phố số 09 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
179. Tổ dân phố số 12 - Phường An Biên, Quận Lê Chân;
180. Tổ dân phố số 17 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
181. Tổ dân phố số 05 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
182. Tổ dân phố số 06 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
183. Tổ dân phố số 03 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
184. Tổ dân phố số 13 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
185. Tổ dân phố số 14 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
186. Tổ dân phố số 16 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
187. Tổ dân phố số 02 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
188. Tổ dân phố số 03 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
189. Tổ dân phố số 05 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
190. Tổ dân phố số 06 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
191. Tổ dân phố số 09 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;

192. Tổ dân phố số 15 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
193. Tổ dân phố số 01 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
194. Tổ dân phố số 02 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
195. Tổ dân phố số 03 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
196. Tổ dân phố số 06 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
197. Tổ dân phố số 07 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
198. Tổ dân phố số 08 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
199. Tổ dân phố số 09 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
200. Tổ dân phố số 10 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
201. Tổ dân phố số 04 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
202. Tổ dân phố số 05 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
203. Tổ dân phố số 19 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
204. Tổ dân phố số 12 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
205. Tổ dân phố số 01 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
206. Tổ dân phố số 03 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
207. Tổ dân phố số 04 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
208. Tổ dân phố số 06 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
209. Tổ dân phố số 09 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
210. Tổ dân phố số 10 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
211. Tổ dân phố số 11 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
212. Tổ dân phố số 12 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
213. Tổ dân phố số 13 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
214. Tổ dân phố số 14 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
215. Tổ dân phố số 15 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
216. Tổ dân phố số 16 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
217. Tổ dân phố số 17 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
218. Tổ dân phố số 18 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
219. Tổ dân phố số 19 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
220. Tổ dân phố số 20 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
221. Tổ dân phố số 21 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
222. Tổ dân phố số 22 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
223. Tổ dân phố số 02 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
224. Tổ dân phố số 05 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
225. Tổ dân phố số 07 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;
226. Tổ dân phố số 08 - Phường Đông Hải, Quận Lê Chân;

227. Tổ dân phố số 4 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
228. Tổ dân phố số 5 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
229. Tổ dân phố số 6 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
230. Tổ dân phố số 7 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
231. Tổ dân phố số 8 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
232. Tổ dân phố số 9 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
233. Tổ dân phố số 10 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
234. Tổ dân phố số 12 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
235. Tổ dân phố số 11 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
236. Tổ dân phố số 1 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
237. Tổ dân phố số 3 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
238. Tổ dân phố số 2 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
239. Tổ dân phố số 7 - Phường An Dương, Quận Lê Chân;
240. Tổ dân phố số 12 - Phường An Dương, Quận Lê Chân;
241. Tổ dân phố số 16 - Phường An Dương, Quận Lê Chân;
242. Tổ dân phố số 7 - Phường Dư Hàng, Quận Lê Chân;
243. Tổ dân phố số 12 - Phường Dư Hàng, Quận Lê Chân;
244. Tổ dân phố số 24 - Phường Dư Hàng, Quận Lê Chân;
245. Tổ dân phố số 11 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
246. Tổ dân phố số 13 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
247. Tổ dân phố số 14 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
248. Tổ dân phố số 15 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
249. Tổ dân phố số 16 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
250. Tổ dân phố số 17 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
251. Tổ dân phố số 18 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
252. Tổ dân phố số 20 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
253. Tổ dân phố số 21 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
254. Tổ dân phố số 22 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
255. Tổ dân phố số 23 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
256. Tổ dân phố số 24 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
257. Tổ dân phố số 25 - Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân;
258. Tổ dân phố số 11 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
259. Tổ dân phố số 13 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
260. Tổ dân phố số 20 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
261. Tổ dân phố số 24 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;

262. Tổ dân phố số 26 - Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân;
263. Tổ dân phố số 04 - Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân;
264. Tổ dân phố số 05 - Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân;
265. Tổ dân phố số 07 - Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân;
266. Tổ dân phố số 10 - Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân;
267. Tổ dân phố số 18 - Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân;
268. Tổ dân phố số 19 - Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân;
269. Tổ dân phố số 25 - Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân;
270. Tổ dân phố số 03 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
271. Tổ dân phố số 04 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
272. Tổ dân phố số 05 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
273. Tổ dân phố số 08 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
274. Tổ dân phố số 09 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
275. Tổ dân phố số 10 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
276. Tổ dân phố số 11 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
277. Tổ dân phố số 18 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
278. Tổ dân phố số 19 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
279. Tổ dân phố số 20 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
280. Tổ dân phố số 23 - Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân;
281. Tổ dân phố số 13 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
282. Tổ dân phố số 14 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
283. Tổ dân phố số 15 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
284. Tổ dân phố số 16 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
285. Tổ dân phố số 17 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
286. Tổ dân phố số 18 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
287. Tổ dân phố số 19 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
288. Tổ dân phố số 20 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
289. Tổ dân phố số 21 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
290. Tổ dân phố số 22 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
291. Tổ dân phố số 23 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
292. Tổ dân phố số 24 - Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân;
293. Tổ dân phố số 07 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
294. Tổ dân phố số 08 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
295. Tổ dân phố số 10 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
296. Tổ dân phố số 11 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;

297. Tổ dân phố số 12 - Phường Trại Cau, Quận Lê Chân;
298. Tổ dân phố số 02 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
299. Tổ dân phố số 05 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
300. Tổ dân phố số 08 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
301. Tổ dân phố số 10 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
302. Tổ dân phố số 11 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
303. Tổ dân phố số 12 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
304. Tổ dân phố số 14 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
305. Tổ dân phố số 17 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
306. Tổ dân phố số 18 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
307. Tổ dân phố số 21 - Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân;
308. Tổ dân phố số 06 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
309. Tổ dân phố số 07 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
310. Tổ dân phố số 08 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
311. Tổ dân phố số 14 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
312. Tổ dân phố số 17 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
313. Tổ dân phố số 18 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
314. Tổ dân phố số 19 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
315. Tổ dân phố số 20 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
316. Tổ dân phố số 21 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
317. Tổ dân phố số 22 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
318. Tổ dân phố số 23 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
319. Tổ dân phố số 24 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
320. Tổ dân phố số 29 - Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân;
321. Tổ dân phố Trần Nhân Tông 1- Phường Quán Trữ, Quận Kiến An;
322. Tổ dân phố Trường Chinh 1- Phường Quán Trữ, Quận Kiến An;
323. Tổ dân phố Trường Chinh 3 - Phường Quán Trữ, Quận Kiến An;
324. Tổ dân phố Cận Sơn 1 - Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An;
325. Tổ dân phố Cận Sơn 2 - Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An;
326. Tổ dân phố Trần Phú 1 - Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An;
327. Tổ dân phố Trần Phú 2 - Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An;
328. Tổ dân phố số 2 - Phường Lãm Hà, Quận Kiến An;
329. Tổ dân phố số 4 - Phường Lãm Hà, Quận Kiến An;
330. Tổ dân phố số 10 - Phường Lãm Hà, Quận Kiến An;
331. Tổ dân phố số 11 - Phường Lãm Hà, Quận Kiến An;

332. Tổ dân phố Phương Khê - Phường Đồng Hòa, Quận Kiến An;
333. Tổ dân phố Đông Khê 1 - Phường Đồng Hòa, Quận Kiến An;
334. Tổ dân phố Đông Khê 2 - Phường Đồng Hòa, Quận Kiến An;
335. Tổ dân phố Đồng Lập - Phường Đồng Hòa, Quận Kiến An;
336. Tổ dân phố số 16 - Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An;
337. Tổ dân phố số 15 - Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An;
338. Tổ dân phố số 2 - Phường Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An;
339. Tổ dân phố số 5 - Phường Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An;
340. Tổ dân phố số 4 - Phường Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An;
341. Tổ dân phố số 11 - Phường Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An;
342. Tổ dân phố Minh Khai 1 - Phường Tràng Minh, Quận Kiến An;
343. Tổ dân phố Minh Khai 2 - Phường Tràng Minh, Quận Kiến An;
344. Tổ dân phố Hòa Bình 1 - Phường Tràng Minh, Quận Kiến An;
345. Tổ dân phố Gò Công 3 - Phường Phù Liễn, Quận Kiến An;
346. Tổ dân phố Gò Công 5 - Phường Phù Liễn, Quận Kiến An;
347. Tổ dân phố Quy Túc 1 - Phường Phù Liễn, Quận Kiến An;
348. Tổ dân phố Quy Túc 2 - Phường Phù Liễn, Quận Kiến An;
349. Tổ dân phố Khúc Trì 1 - Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An;
350. Tổ dân phố Khúc Trì 2 - Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An;
351. Tổ dân phố mới - Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An;
352. Tổ dân phố Hoàng Quốc Việt 2 - Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An;
353. Tổ dân phố Kha Lâm 3 - Phường Nam Sơn, Quận Kiến An;
354. Tổ dân phố Kha Lâm 4 - Phường Ngọc Sơn, Quận Kiến An;
355. Tổ dân phố Lệ Tảo 1 - Phường Nam Sơn, Quận Kiến An;
356. Tổ dân phố Lệ Tảo 3 - Phường Nam Sơn, Quận Kiến An;
357. Tổ dân phố số 14 - Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An;
358. Tổ dân phố Trần Nhân Tông 2 - Phường Quán Trữ, Quận Kiến An;
359. Tổ dân phố số 15 - Phường Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An;
360. Tổ dân phố Trần Hưng Đạo - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
361. Tổ dân phố Cù Chính Lan 2 - Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng;
362. Tổ dân phố Bạch Đằng 4 - Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng;
363. Tổ dân phố Cam Lộ 8 - Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng;
364. Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ 1 - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
365. Tổ dân phố Phan Chu Trinh - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
366. Tổ dân phố Đinh Tiên Hoàng 1 - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;

367. Tổ dân phố Đinh Tiên Hoàng 2 - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
368. Tổ dân phố Lê Đại Hành - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
369. Tổ dân phố Minh Khai - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
370. Tổ dân phố Trần Quang Khải 1 - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
371. Tổ dân phố Trần Quang Khải 2 - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
372. Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ 2 - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng;
373. Tổ dân phố Bạch Đằng 7 - Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng;
374. Tổ dân phố Đoàn Kết 1 - Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng;
375. Tổ dân phố Đoàn Kết 2 - Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng;
376. Tổ dân phố Đoàn Kết 3 - Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng;
377. Tổ dân phố Quang Trung - Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng;
378. Tổ dân phố Tôn Đản - Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng;
379. Tổ dân phố đường 5/3 - Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng;
380. Tổ dân phố Cao Thắng 2 - Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng;
381. Tổ dân phố Hạ Lý 7 - Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng;
382. Tổ dân phố Bạch Đằng 8 - Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng;
383. Tổ dân phố Lãn Ông - Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng;
384. Tổ dân phố Quang Trung - Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng;
385. Tổ dân phố đường 5/3 - Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng;
386. Tổ dân phố Hồng Phong - Phường Minh Đức, Quận Đồ Sơn;
387. Tổ dân Phố Điện Biên - Phường Bàng La, Quận Đồ Sơn;
388. Tổ dân Phố Đức Hậu 2 - Phường Hợp Đức, Quận Đồ Sơn;
389. Tổ dân Phố Trung Dũng - Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn;
390. Tổ dân Phố Đoàn kết 2 - Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn;
391. Tổ dân Phố Đại Đồng - Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn;
392. Tổ dân Phố số 1 - Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn;
393. Tổ dân phố Trà Khê 3 - Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh;
394. Tổ dân phố Vân Quan - Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh;
395. Tổ dân phố số 6 - Phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh;
396. Tổ dân phố 1A - Phường Hải Thành, Quận Dương Kinh;
397. Tổ dân phố Tân Hợp - Phường Tân Thành, Quận Dương Kinh;
398. Tổ dân phố Tân Lập - Phường Tân Thành, Quận Dương Kinh;
399. Tổ dân phố Tân Tiến - Phường Tân Thành, Quận Dương Kinh;
400. Tổ dân phố số 13 - Phường Hòa Nghĩa, Quận Dương Kinh;
401. Tổ dân phố số 3 - Phường Hòa Nghĩa, Quận Dương Kinh;

402. Tổ dân phố số 4 - Phường Hoà Nghĩa, Quận Dương Kinh;
403. Tổ dân phố số Phấn Dũng 1 - Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh;
404. Tổ dân phố số Phấn Dũng 2 - Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh;
405. Tổ dân phố số 2A - Phường Hải Thành, Quận Dương Kinh;
406. Tổ dân phố số 2B - Phường Hải Thành, Quận Dương Kinh;
407. Tổ dân phố số 11 - Phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh;
408. Tổ dân phố số 12 - Phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh;
409. Tổ dân phố Quảng Luận 2 - phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh;
410. Tổ dân phố số Quảng Luận 1 - Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh;
411. Tổ dân phố số 5 - Phường Hoà Nghĩa, Quận Dương Kinh;
412. Tổ dân phố số 10 - Phường Hoà Nghĩa, Quận Dương Kinh;
413. Tổ dân phố số 11 - Phường Hoà Nghĩa, Quận Dương Kinh;
414. Tổ dân phố Ninh Hải 1 - Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh;
415. Tổ dân phố Ninh Hải 2 - Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh;
416. Tổ dân phố Ninh Hải 3 - Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh;
417. Tổ dân phố số 1B - Phường Hải Thành, Quận Dương Kinh;
418. Tổ dân phố số 1C - Phường Hải Thành, Quận Dương Kinh;
419. Tổ dân phố số 03 - Phường Hải Thành, Quận Dương Kinh;
420. Tổ dân phố Thuỷ Giang - Phường Hải Thành, Quận Dương Kinh;
421. Tổ dân phố số 01 - Phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh;
422. Tổ dân phố số 07 - Phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh;
423. Tổ dân phố số 13 - Phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh;
424. Tổ dân phố Đông Lãm 1 - Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh;
425. Tổ dân phố Đông Lãm 2 - Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh;
426. Tổ dân phố Đông Lãm 3 - Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh;
427. Tổ dân phố Đông Lãm 4 - Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh;
428. Tổ dân phố 3/2 - Thị trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo;
429. Tổ dân phố Tân Hòa - Thị trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo;
430. Tổ dân phố Trung Dũng - Thị trấn An Lão, Huyện An Lão;
431. Tổ dân phố Văn Tràng 1 - Thị trấn trường Sơn, Huyện An Lão;
432. Tổ dân phố Nam Cầu Đen - Thị trấn Núi Đồi, Huyện Kiến Thụy;
433. Tổ dân phố Hồ Sen - Thị trấn Núi Đồi, Huyện Kiến Thụy;
434. Tổ dân phố Bắc Cầu Đen - Thị trấn Núi Đồi, Huyện Kiến Thụy;
435. Tổ dân phố số 5 - Thị trấn An Dương, Huyện An Dương;
436. Tổ dân phố số 2 - Thị trấn An Dương, Huyện An Dương;

437. Tổ dân phố số 4 - Thị trấn An Dương, Huyện An Dương;
438. Tổ dân phố Quyết Hùng - Thị trấn Minh Đức, Huyện Thủy Nguyên;
439. Tổ dân phố Quyết Thắng - Thị trấn Minh Đức, Huyện Thủy Nguyên;
440. Tổ dân phố Đà Nẵng - Thị trấn Minh Đức, Huyện Thủy Nguyên;
441. Tổ dân phố Bạch Đằng II - Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên;
442. Tổ dân phố Đả Nẵng - Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên;
443. Tổ dân phố Bạch Đằng I - Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên;
444. Tổ dân phố Hàm Long - Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên;
445. Tổ dân phố 25/10 - Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên;
446. Tổ dân phố 17 - Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải;
447. Tổ dân phố 18 - Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải;
448. Tổ dân phố 15 - Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải;
449. Tổ dân phố 16 - Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải;
450. Tổ dân phố số 12 - Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền;
451. Tổ dân phố số 01 - Phường Cầu Tre, Quận Ngô Quyền;
452. Tổ dân phố số 5 - Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền;
453. Tổ dân phố số 35 - Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền;
454. Tổ dân phố số 01 (Tòa nhà SHP Lạch Tray) - Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền;
455. Tổ dân phố số 11 - Phường Cầu Đất, Quận Ngô Quyền;
456. Tổ dân phố số Máy Tơ - Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền;
457. Tổ dân phố số 18 - Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền;
458. Tổ dân phố số 02 - Phường Lê Lợi, Quận Ngô Quyền;
459. Tổ dân phố số 18 - Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền;
460. Tổ dân phố số 15 - Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền;
461. Tổ dân phố số 9 - phường Cát Bi, Quận Hải An;
462. Tổ dân phố E5 - phường Cát Bi, Quận Hải An;
463. Tổ dân phố 16 - phường Thành Tô, Quận Hải An;
464. Tổ dân phố 18 - phường Thành Tô, Quận Hải An;
465. Tổ dân phố 19 - phường Thành Tô, Quận Hải An;
466. Tổ dân phố Trung Hành 5 - phường Đằng Lâm, Quận Hải An;
467. Tổ dân phố An Khê 2 - phường Đằng Lâm, Quận Hải An;
468. Tổ dân phố số 4 - phường Tràng Cát, Quận Hải An;
469. Tổ dân phố Phú Xá 1- phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
470. Tổ dân phố Phú Xá 2 - phường Đông Hải 1, Quận Hải An;

471. Tổ dân phố Phương Lưu 6 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
472. Tổ dân phố Phương Lưu 1 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
473. Tổ dân phố Phương Lưu 3 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
474. Tổ dân phố Phương Lưu 4 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
475. Tổ dân phố Số 13 – phường Đằng Hải, Quận Hải An;
476. Tổ dân phố Số 17 – phường Đằng Hải, Quận Hải An;
477. Tổ dân phố Số 4 – phường Nam Hải, Quận Hải An;
478. Tổ dân phố Số 15 – phường Nam Hải, Quận Hải An;
479. Tổ dân phố Bình Kiều 1 – phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
480. Tổ dân phố Bình Kiều 2 – phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
481. Tổ dân phố Vừa Dừa – phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
482. Tổ dân phố Hạ Đoạn 1 - phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
483. Tổ dân phố Hạ Đoạn 2 - phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
484. Tổ dân phố Hạ Đoạn 3 - phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
485. Tổ dân phố Hạ Đoạn 4 - phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
486. Tổ dân phố Đông Hưng - phường Đông Hải 2, Quận Hải An;
487. Tổ dân phố Số 4 – phường Nam Hải, Quận Hải An;
488. Tổ dân phố Phương Lưu 2 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
489. Tổ dân phố Phương Lưu 5 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
490. Tổ dân phố Phương Lưu 7 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
491. Tổ dân phố Phương Lưu 8 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
492. Tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 1 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
493. Tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 2 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
494. Tổ dân phố Phương Lưu 9 – phường Đông Hải 1, Quận Hải An;
495. Tổ dân phố Số 12 – phường Đằng Hải, Quận Hải An;
496. Tổ dân phố Số 14 – phường Đằng Hải, Quận Hải An;
497. Tổ dân phố Số 16 - phường Đằng Hải, Quận Hải An;
498. Tổ dân phố Lực Hành – phường Đằng Lâm, Quận Hải An;
499. Tổ dân phố Trung Hành 7 – phường Đằng Lâm, Quận Hải An;
500. Tổ dân phố số 6 – phường Tràng Cát, Quận Hải An;
501. Tổ dân phố E1 – phường Cát Bi, Quận Hải An;
502. Tổ dân phố E6 – phường Cát Bi, Quận Hải An;
503. Tổ dân phố số 4 – phường Thành Tô, Quận Hải An;
504. Tổ dân phố Số 15 – phường Thành Tô, Quận Hải An;
505. Tổ dân phố Khu 2 - Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng;



506. Tổ dân phố Khu 4 - Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng;

507. Tổ dân phố Khu 6 - Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng;

III. Danh sách Khu chung cư, Nhà tập thể an toàn phòng cháy, chữa cháy.

1. Khu chung cư nhà ở cho người thu nhập thấp Hoàng Huy - xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;

2. Khu Chung cư Bắc Sơn - phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng;

3. Nhà tập thể thuộc Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng - xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ